

Bản án số: 116/2024/DS-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn;
2. Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm: 1966; Địa chỉ: 1/141B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: 179-181, Quốc lộ 22A, ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: ông Lê Minh H, sinh năm 1983 luật sư đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh– Văn phòng Luật sư Võ Quốc T1;

1.2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:

Bà M là chủ hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ và nhà trọ được cấp giấy phép

đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: 179-181, Quốc lộ 22A, ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Anh T2 có nợ của bà hai khoản như sau:

Về tiền vay: Vào ngày 10/3/2022 bà có cho anh Nguyễn Văn T2 vay số tiền 170.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay khi nào gia đình bán đất sẽ có tiền trả. Tài sản bảo đảm tiền vay gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08123, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/7/2019, đất do anh T2 đứng tên diện tích 324,7 m² thửa 1500, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh T2 trả lãi không đầy đủ đến đầu năm 2023 thì ngưng cho đến nay, mặc khác bà nghe tin gia đình anh T2 bán đất không trả cho bà mà mua vàng đeo, mua xe SH chạy đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, nên bà khởi kiện yêu cầu anh T2 phải trả số tiền vay còn nợ là 170.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi 3%/ tháng tính từ 01/01/2023 đến ngày xét xử.

Về tiền hụi: Ngày 10-7-2020, bà có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng/tháng gồm có 19 phần, mẫn vào ngày 10-01-2022, trừ hoa hồng 50%/ tháng tương ứng số tiền 2.500.000 đồng. Anh T2 tham gia của bà 01 phần tại số thứ tự 12 (T – N) Trong dây hụi này anh T2 đã hốt hụi vào ngày 10-8-2020 DI và bà đã đăng hụi vào ngày 13-8-2020 cho anh T2. Sau khi hốt hụi, anh T2 đã đóng hụi chết cho bà và tính đến ngày mẫn hụi thì anh T2 còn nợ bà số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Do anh T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, thanh toán lãi suất đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu anh T2 phải trả cho bà tiền hụi 9.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đây là tài sản bảo đảm theo các giao dịch thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà có quyền xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ. Nếu số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khi trả hết tiền cho bà thì bà sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: yêu cầu anh T2 trả cho bà tiền nợ hụi 9.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và trả số tiền nợ gốc: 170.000.000 đồng với mức lãi suất 1,67%/tháng (20%/năm) tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trình bày:**

Anh thừa nhận có tham gia chơi hụi của bà M và còn nợ bà M số tiền hụi 9.000.000 đồng là đúng. Về tiền vay thì ban đầu anh vay tiền của bà M số tiền 120.000.000 đồng, do dịch covid nên cộng tiền vốn vay, tiền lãi vay và tiền nợ hụi nên ghi số tiền 170.000.000 đồng, anh là người trực tiếp ký tên giấy xác nhận nợ với bà M đồng thời anh đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên cùng thời điểm khi anh viết giấy nhận nợ ngày 10-3-2022 cho bà M.

Về lãi suất, anh thống nhất khi vay tiền chịu mức lãi 3%/ tháng, đã trả lãi cho bà M đến 01/2023 thì ngưng nhưng anh không có chứng cứ thể hiện trả tiền

lãi cho bà M. Bà M cho rằng anh đã bán đất nhưng không thanh toán nợ cho bà là hoàn toàn không có.

Bà M khởi kiện yêu cầu trả anh phải trả số tiền 170.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền vay và lãi từ ngày 01/01/2023 đến xét xử mức lãi 3%/ tháng và 9.000.000 đồng tiền hụi, anh không đồng ý. Lý do tiền hụi 9.000.000 đồng đã cộng dồn vào số tiền 170.000.000 đồng. Nên anh chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, xin không trả lãi. Xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 15/8/2024 cho đến khi hết nợ. Khi nào anh trả hết nợ, yêu cầu bà M trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, anh T2 yêu cầu bà M cho anh mượn lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đã thế chấp cho bà M để anh đi vay tiền của người khác về trả cho bà M 120.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng sau khi đã trả 120.000.000 đồng cho bà M.

Phần tranh luận: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày: Theo chứng cứ bà M cung cấp cho Tòa án là có thật, tại tòa anh T2 thừa nhận có viết giấy nhận nợ với bà M số tiền vay 170.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là khoản tiền riêng, không liên quan đến khoản tiền hụi vì không thể hiện trong giấy nhận nợ do anh T2 ký tên ghi ngày 10-3-2022. Anh T2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh là trong số tiền 170.000.0000 đồng có khoản tiền hụi 9.000.000 đồng. Về tiền lãi, anh T2 cho rằng có trả lãi cho bà M nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh.

Đối với ý kiến của anh T2 tại phiên tòa: yêu cầu bà M cho anh mượn lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh thế chấp cho bà M để anh đi vay tiền của người khác về trả cho bà M 120.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng sau khi đã trả 120.000.000 đồng cho bà M là hoàn toàn phi lý, vì tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn là bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc anh T2 phải trả cho bà M khoản tiền vay còn nợ 170.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng (20%/năm) tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền nợ hụi 9.000.000 đồng.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đây là tài sản bảo đảm theo các giao dịch thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà có quyền xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ. Nếu số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khi trả hết tiền cho bà thì bà sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:***

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự

thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 466, 468, 471 của Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Buộc anh Nguyễn Văn T2 trả cho bà Võ Thị M số tiền nợ hụi gốc 9.000.000 đồng, tiền nợ vay gốc: 170.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1.67%/tháng (20%/năm) tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất. Buộc bà M có nghĩa vụ trả lại cho anh T2 bản Gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi anh T2 trả tất nợ.

Án phí: anh Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Xét lời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh T2 cho rằng số tiền 170.000.000 đồng đã gồm số tiền 9.000.000 đồng tiền nợ hụi là không có căn cứ. Theo Giấy đăng hụi ngày 19/7/2020 cho thấy anh T2 có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 10-7-2020 do bà M làm chủ hụi và anh T2 cũng thừa nhận anh có nợ 9.000.000 đồng tiền hụi của bà M tại Biên bản hòa giải ngày 11-7-2024. Đối với số tiền nợ 170.000.000 đồng, căn cứ vào Biên nhận ngày 10-3-2024 anh T2 có thừa nhận có nợ bà M số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), hẹn sau khi bán đất sẽ trả hết cho bà M. Tại Biên nhận ngày 10-3-2024 không ghi rõ số tiền 170.000.000 đã bao gồm 9.000.000 đồng tiền hụi nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà M là có căn cứ.

[2] Xét lời trình bày của anh T2 yêu cầu bà M cho anh mượn lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh thế chấp cho bà M để anh đi vay tiền của người khác về trả cho bà M 120.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng sau khi đã trả 120.000.000 đồng cho bà M, bà M không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán hai khoản tiền là tiền vay 170.000.000 đồng, tiền hụi 9.000.000 đồng nên bà M khởi kiện vì đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và không đồng ý là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, đồng thời việc thanh toán nợ được thực hiện tại cơ quan thi hành án, nên ý kiến trình bày của anh T2 không được chấp nhận và buộc anh T2 phải trả cho bà M số tiền trên.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà M yêu cầu anh T2 trả tiền nợ gốc 170.000.000 tiền lãi 3%/ tháng tính từ 01/01/2023 đến ngày xét

xử. Đối chiếu số tiền lãi khi các bên thỏa thuận, anh T2 thống nhất thừa nhận phải trả mức lãi suất 3%/tháng và cho rằng đã trả lãi đến tháng 01/2023 thì ngưng, nhưng anh T2 không có chứng cứ chứng minh, không yêu cầu xem xét tính lại tiền lãi. Mặt khác, ngày 12-7-2024, bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 170.000.000 đồng là tính mức lãi suất 1,67%/tháng (20%/năm) tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do các bên đều thống nhất mức lãi suất Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất bà M yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nên số tiền lãi anh T2 phải trả cho bà M từ ngày 01-01-2023 đến ngày 31-7-2024 là $170.000.000 \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 30 \text{ ngày} \times 1,66\%/tháng = 53.747.945$ đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

[4] Xét yêu cầu của bà M đối với tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08123, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/7/2019, đất do anh T2 đứng tên diện tích 324,7 m² thửa 1500, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Do tài sản trên được anh T2 tự nguyện thế chấp cho Bà M và anh T2 cũng thừa nhận việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho số tiền vay 170.000.000 đồng, nhưng không đăng ký giao dịch bản đảm theo quy định pháp luật, nên buộc bà M phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2 khi anh T2 trả hết số tiền nợ của Bản án này.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M đối với đối với anh Nguyễn Văn T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Văn T2 phải trả cho bà Võ Thị M số tiền hụi 9.000.000 đồng; tiền vay gốc: 170.000.000 và tiền lãi 53.747.945 đồng (làm tròn 53.748.000 đồng). Tổng cộng: 232.748.000 (Hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà M, thấy rằng có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về số tiền vay gốc và lãi phải trả, số tiền nợ hụi phải trả. Tuy nhiên yêu cầu đối với tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08123, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/7/2019, đất do anh T2 đứng tên diện tích 324,7 m² thửa 1500, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh mặc dù anh T2 tự nguyện thế chấp nhưng không đăng ký giao dịch bản đảm theo quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: anh Nguyễn Văn T2 phải chịu 11.637.400 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị M không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014269 ngày 12-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ vào các Điều 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biên, phường và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 của UBNTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Võ Thị M đối với đối với anh Nguyễn Văn T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản”.

1.1. Buộc anh Nguyễn Văn T2 phải trả cho bà Võ Thị M số tiền nợ hội 9.000.000 đồng; tiền vay gốc còn nợ 170.000.000 đồng và tiền lãi 53.747.945 đồng (làm tròn 53.748.000 đồng). Tổng cộng: 232.748.000 (Hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bà Võ Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Văn T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1.3 Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 324,7 m² thửa 1500, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS08123, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/7/2019, cho anh Nguyễn Văn T2.

Buộc bà Võ Thị M phải trả lại cho anh Nguyễn Văn T2 01 (Một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS08123, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02/7/2019, đất do anh T2 đứng tên diện tích 324,7 m² thửa 1500, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp T, Xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh sau khi anh T2 trả tất cả các khoản nợ cho bà M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: anh Nguyễn Văn T2 phải chịu 11.637.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị M không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014269 ngày 12-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện G, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

